

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 3 -2025
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Phới

Ông Thạch Ân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều L, sinh năm 1988 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp D, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Thi Phú Q, sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị Kiều L là nguyên đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Bà với ông Thi Phú Q chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cự cãi chuyện sinh hoạt trong gia đình, vợ chồng sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được dẫn đến mâu thuẫn càng trầm trọng. Từ

đó, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay bà L không còn tình cảm với ông Q nên yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Thi Phú Q.

Về nuôi con chung: Bà L yêu cầu được nuôi hai con tên Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015 và bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Thi Phú Q là bị đơn vắng mặt và có lời khai như sau: Ông Q và bà L chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống có 02 con chung tên Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015. Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp hay cự cãi chuyện gia đình nên vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc. Nay ông Q có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông Q thống nhất ly hôn với bà Nguyễn Thị Kiều L.

Về nuôi con chung: Ông Q thống nhất giao hai con chung tên Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015 cho bà Kiều L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Thi Nguyễn Khánh N và Thi Nguyễn K như sau: N và K là con chung của ông Thi Phú Q và bà Nguyễn Thị Kiều L. Nay cha mẹ ly hôn N1 và K có nguyện vọng sống với mẹ là bà Nguyễn Thị Kiều L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Thi Phú Q. Về con chung: Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015 cho bà Kiều L trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Thi Phú Q cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kiều L; lời trình bày của các đương sự cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn trong vụ án là ông Thi Phú Q có hộ khẩu thường trú tại huyện C, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kiều L là nguyên đơn và ông Thi Phú Q là bị đơn trong vụ án cùng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q là phù hợp với quy định pháp luật.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy, bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q đều khai nhận anh bà chung sống với nhau vào có đăng ký kết hôn tại UBND xã T là phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của bà L và ông Q được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc yêu cầu ly hôn là do bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q không hợp nhau, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt và cũng không còn chung sống với nhau. Bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q và ông Q cũng thống nhất ly hôn với bà L. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tạo điều kiện hòa giải động viên cho bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q đoàn tụ lại với nhau và cùng nhau chung sống để xây dựng hôn nhân hạnh phúc nhưng ông Q không đến Tòa hòa giải, cho thấy ông Q đã bỏ mặc hôn nhân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có ý nghĩa. Căn cứ vào Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp, không trái pháp luật.

[5] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q thống nhất giao hai con chung tên Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Xét thấy,

bà L và ông Q thống nhất giao con hai con cho bà L nuôi dưỡng, việc thỏa thuận này đúng quy định pháp luật và cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con tên N và K nên Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà L. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

[6] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều L.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kiều L được ly hôn với ông Thi Phú Q.

Về con chung: Giao hai con chung tên Thi Nguyễn Khánh N, sinh ngày 27/10/2009 và Thi Nguyễn K, sinh ngày 27/01/2015 cho Nguyễn Thị Kiều L trực tiếp nuôi dưỡng; cũng phù hợp với nguyện vọng của hai con N và K.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Kiều L không yêu cầu ông Thi Phú Q cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q thống nhất không tranh chấp, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Kiều L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008685 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè; bà L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Kiều L và ông Thi Phú Q được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai